

**CÔNG TY CỔ PHẦN DU
LỊCH VIETOURIST**

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 15/2019/CBTT-VTD

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 14 tháng 11 năm 2019

**CÔNG BỐ THÔNG TIN TRÊN CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CỦA ỦY BAN CHỨNG
KHOẢN NHÀ NƯỚC VÀ SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOẢN**

Kính gửi: Ủy ban Chứng khoán Nhà nước

Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội

Sở giao dịch chứng khoán Tp. Hồ Chí Minh

Tên Công ty: CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH VIETOURIST

Địa chỉ trụ sở chính: Số 21 Hoàng Diệu, phường 12, Quận 4, TP.Hồ Chí Minh

Điện thoại: 028. 6261 6365 Fax: 028. 6253 2111

Người thực hiện công bố thông tin: Cao Hoàng Anh

Chức vụ: Trợ lý Tổng Giám Đốc

Loại công bố thông tin:

24 giờ 72 giờ 07 ngày Bất thường Theo yêu cầu Định kỳ

Nội dung công bố thông tin:

Báo cáo tài chính 09 tháng đầu năm 2019 kết thúc vào ngày 30 tháng 09 năm 2019 đã được soát xét

Thông tin này được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty <https://vietourist.com.vn> vào ngày 14/11/2019

Chúng tôi cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

Cán bộ phụ trách công bố thông tin



Cao Hoàng Anh

CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH VIETOURIST

Báo cáo tài chính giai đoạn

*09 tháng đầu của năm tài chính 2019 kết thúc vào ngày 30 tháng 09 năm 2019
đã được soát xét*



Được kiểm toán bởi

CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ TƯ VẤN TÀI CHÍNH KẾ TOÁN VÀ KIỂM TOÁN PHÍA NAM (AASCS)

CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH VIETOURIST

Địa chỉ: 21 Hoàng Diệu, phường 12, quận 4, Tp. Hồ Chí Minh

MỤC LỤC

<u>Nội dung</u>	<u>Trang</u>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	01 - 03
BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH	04 - 04
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT	
Bảng cân đối kế toán	05 - 08
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	09 - 09
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	10 - 11
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính	12 - 33



CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH VIETOURIST

Địa chỉ: 21 Hoàng Diệu, phường 12, quận 4, Tp. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Du lịch Vietourist (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính của Công ty cho 09 tháng đầu của năm tài chính 2019 kết thúc vào ngày 30 tháng 09 năm 2019.

CÔNG TY

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Du lịch Vietourist được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 0311273634 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 26 tháng 10 năm 2011, đăng ký thay đổi lần thứ 10 ngày 14 tháng 03 năm 2018.

Vốn góp thực tế của Công ty tại ngày 30/09/2019 là: **60.000.000.000 VND**

Trụ sở chính của Công ty tại 21 Hoàng Diệu, phường 12, quận 4, Tp. Hồ Chí Minh

2. Lĩnh vực kinh doanh

Thương mại, dịch vụ.

3. Ngành nghề kinh doanh:

1. Đại lý du lịch;
2. Điều hành tour du lịch (Chi tiết: kinh doanh lữ hành nội địa và quốc tế);
3. Dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tour du lịch;
4. Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động (không hoạt động tại trụ sở);
5. Dịch vụ lưu trú ngắn ngày (Chi tiết: Khách sạn (đạt tiêu chuẩn sao và không hoạt động tại trụ sở).);
6. Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt);
7. Vận tải hành khách đường bộ khác;
8. Vận tải hàng hóa bằng đường bộ khác;
9. Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khách liên quan đến vận tải (Chi tiết: Hoạt động của các đại lý bán vé máy bay. Hoạt động của đại lý làm thủ tục hải quan.);
10. Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu (Chi tiết: Hoạt động phiên dịch, dịch thuật.);
11. Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê (Chi tiết: Kinh doanh bất động sản);

4. Cấu trúc doanh nghiệp

Đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc:

Thông tin về các chi nhánh

+ Chi nhánh Công ty Cổ phần Du lịch Vietourist - Đà Nẵng

Tầng 3, tòa nhà Indochina Riverside, 74 Bạch Đằng, P. Hải Châu I, Q. Hải Châu, TP. Đà Nẵng

Mã số văn phòng đại diện: 0311273634-002

+ Chi nhánh Công ty Cổ phần Du lịch Vietourist - Cần Thơ

Lầu 4 tòa nhà STS - 11B Hòa Bình, P. Tân An, Q. Ninh Kiều, TP. Cần Thơ

Mã số văn phòng đại diện: 0311273634-004

+ Chi nhánh Công ty Cổ phần Du lịch Vietourist - Huế

23 Hà Nội, P. Phú Nhuận, TP. Huế, Tỉnh Thừa Thiên Huế

Mã số văn phòng đại diện: 0311273634-005

+ Chi nhánh Công ty Cổ phần Du lịch Vietourist - Nha Trang

Phòng 4B, tòa nhà Nha Trang Tower 38-40 Thống Nhất, P. Vạn Thạnh, TP. Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa

Mã số văn phòng đại diện: 0311273634-006

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Thông tin về văn phòng đại diện

+ Văn phòng đại diện Công ty Cổ phần Du lịch Vietourist - Hà Nội

Tầng 6, tòa nhà Indochina Plaza, số 241 Xuân Thủy, P. Dịch Vọng Hậu, Q. Cầu Giấy, TP. Hà Nội

Mã số văn phòng đại diện: 0311273634-001

+ Văn phòng đại diện Công ty Cổ phần Du lịch Vietourist - Hải Phòng

Phòng 402, tầng 4 TTĐH Nhà khách Hải Quân, số 5 Lý Tự Trọng, P. Hoàng Văn Thụ, Q. Hồng Bàng, TP. Hải Phòng

Mã số văn phòng đại diện: 0311273634-003

+ Văn phòng đại diện Công ty Cổ phần Du lịch Vietourist - Bình Định

Số 5 Phan Kế Bính, P. Hải Cảng, TP. Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định

Mã số văn phòng đại diện: 0311273634-007

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG

Kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty và tình hình tài chính tại ngày 30/09/2019 được thể hiện trong Báo cáo tài chính đính kèm.

CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KHÓA SỔ KẾ TOÁN LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Sau ngày kết thúc niên độ Công ty có các sự kiện sau:

Theo Nghị quyết số 02/2019/NQ-ĐHĐCĐ tại ngày 07/07/2019 của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019 thông qua phương án phát hành cổ phiếu riêng lẻ để tăng vốn điều lệ từ 18.000.000.000 đồng lên 60.000.000.000 đồng. Theo giấy xác nhận số dư tại ngày 25/09/2019 của Ngân hàng TMCP Sài Gòn-Hà Nội, các cổ đông đã thanh toán đủ số cổ phần đăng ký mua. Tại ngày 1/10/2019, Công ty đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 11 với số vốn điều lệ là 60.000.000.000 đồng.

Ngoài các sự kiện nêu trên, Ban Giám đốc Công ty khẳng định không có sự kiện trọng yếu khác nào phát sinh sau ngày 30/09/2019 cho đến thời điểm lập Báo cáo tài chính này mà chưa được xem xét điều chỉnh số liệu hoặc công bố trên Báo cáo tài chính.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN GIÁM ĐỐC, BAN KIỂM SOÁT, ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT VÀ KẾ TOÁN TRƯỞNG

Các thành viên của Hội đồng Quản trị bao gồm:

Ông:	Trần Văn Tuấn	Chủ tịch
Ông:	Nguyễn Dương Trung Hiếu	Thành viên
Bà:	Phạm Thị Mai Anh	Thành viên
Bà:	Lê Thị Phương Thúy	Thành viên
Ông:	Trần Thanh Tú	Thành viên

Các thành viên của Ban Giám đốc bao gồm:

Ông:	Trần Văn Tuấn	Giám đốc
Ông:	Nguyễn Dương Trung Hiếu	Phó Giám đốc

Các thành viên của Ban Kiểm soát bao gồm:

Ông:	Nguyễn Hoàng Quốc Việt	Trưởng ban
Ông:	Trịnh Tiến Quyết	Thành viên
Ông:	Nguyễn Tất Thắng	Thành viên

Đại diện theo pháp luật:

Ông: Trần Văn Tuấn

Kế toán trưởng:

Bà: Hồ Thị Mỹ Triêm



BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Phía Nam (AASCS) bày tỏ nguyện vọng tiếp tục làm công tác kiểm toán cho Công ty.

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty 09 tháng đầu của năm tài chính 2019 kết thúc vào ngày 30 tháng 09 năm 2019. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không còn chứa đựng sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Các chuẩn mực kế toán đang áp dụng được Công ty tuân thủ, không có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính này.
- Lập và trình bày các báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành;
- Lập các Báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 30 tháng 09 năm 2019, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

CAM KẾT KHÁC

Ban Giám đốc cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06/10/2015 do Bộ tài chính ban hành về hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

PHÊ DUYỆT CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Chúng tôi, Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Du lịch Vietourist phê duyệt Báo cáo tài chính 09 tháng đầu của năm tài chính 2019 kết thúc vào ngày 30 tháng 09 năm 2019 của Công ty.

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 08 tháng 10 năm 2019

Thay mặt Ban Giám đốc
Giám đốc



TRẦN VĂN TUẤN

Số ~~719~~.../BCKT/TC/2019/AASCS

BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Kính gửi: Các cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
của Công ty Cổ phần Du lịch Vietourist

Chúng tôi đã soát xét Báo cáo tài chính cho giai đoạn 09 tháng đầu của năm tài chính 2019 kèm theo của Công ty Cổ phần Du lịch Vietourist, được lập ngày 08 tháng 10 năm 2019 từ trang 05 đến trang 33, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 30/09/2019, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán 09 tháng kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Du lịch Vietourist chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính cho giai đoạn 09 tháng đầu của năm tài chính 2019 theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính cho giai đoạn 09 tháng đầu của năm tài chính 2019 và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày Báo cáo tài chính cho giai đoạn 09 tháng đầu của năm tài chính 2019 không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về Báo cáo tài chính cho giai đoạn 09 tháng đầu của năm tài chính 2019 dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính cho giai đoạn 09 tháng đầu của năm tài chính 2019 do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính cho giai đoạn 09 tháng đầu của năm tài chính 2019 bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính cho giai đoạn 09 tháng đầu của năm tài chính 2019 đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của đơn vị tại ngày 30/09/2019, và kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của đơn vị cho kỳ kế toán 09 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính cho giai đoạn 09 tháng đầu của năm tài chính 2019.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 14 tháng 11 năm 2019

Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính
Kế toán và Kiểm toán Phía Nam (AASCS)
CÔNG PHO Tổng giám đốc



Lê Văn Tuấn

Giấy CN ĐKHN kiểm toán số 0479-2018-142-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 30 tháng 09 năm 2019

Đơn vị tính: VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	30/09/2019	01/01/2019
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		63.562.345.871	19.396.962.405
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	V.01	1.896.034.611	3.849.057.012
111	1. Tiền		1.896.034.611	3.849.057.012
112	2. Các khoản tương đương tiền			
120	II. Đầu tư tài chính ngắn hạn			
121	1. Chứng khoán kinh doanh			
122	2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh (*)			
123	3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn			
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		61.391.830.441	15.547.905.393
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	V.02	1.365.237.280	5.297.193.955
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn		60.026.593.161	10.250.711.438
133	3. Phải thu nội bộ ngắn hạn			
134	4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng			
135	5. Phải thu về cho vay ngắn hạn			
136	6. Phải thu ngắn hạn khác			
137	7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)			
139	8. Tài sản thiếu chờ xử lý			
140	IV. Hàng tồn kho			
141	1. Hàng tồn kho			
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)			
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		274.480.819	
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn			
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ		274.480.819	
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước			
154	4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ			
155	5. Tài sản ngắn hạn khác			



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 30 tháng 09 năm 2019

Đơn vị tính: VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	30/09/2019	01/01/2019
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		25.415.158.547	17.731.884.433
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		550.000.000	550.000.000
211	1. Phải thu dài hạn của khách hàng			
212	2. Trả trước cho người bán dài hạn			
213	3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc			
214	4. Phải thu nội bộ dài hạn			
215	5. Phải thu về cho vay dài hạn			
216	6. Phải thu dài hạn khác	V.03	550.000.000	550.000.000
219	7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)			
220	II. Tài sản cố định		7.896.424.126	823.163.534
221	1. Tài sản cố định hữu hình	V.05	7.896.424.126	823.163.534
222	- Nguyên giá		8.434.281.818	1.026.281.818
223	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)		(537.857.692)	(203.118.284)
224	2. Tài sản cố định thuê tài chính			
225	- Nguyên giá			
226	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)			
227	3. Tài sản cố định vô hình			
228	- Nguyên giá			
229	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)			
230	III. Bất động sản đầu tư			
231	- Nguyên giá			
232	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)			
240	IV. Tài sản dở dang dài hạn	V.04	16.313.400.000	16.313.400.000
241	1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn			
242	2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		16.313.400.000	16.313.400.000
250	V. Đầu tư tài chính dài hạn			
251	1. Đầu tư vào công ty con			
252	2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết			
253	3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác			
254	4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn (*)			
255	5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn			
260	V. Tài sản dài hạn khác		655.334.421	45.320.899
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	V.06	655.334.421	45.320.899
262	2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại			
263	3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn			
268	4. Tài sản dài hạn khác			
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		88.977.504.418	37.128.846.838



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 30 tháng 09 năm 2019

Đơn vị tính: VND

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	30/09/2019	01/01/2019
300	C . NỢ PHẢI TRẢ		27.661.344.007	21.591.461.826
310	I. Nợ ngắn hạn		27.661.344.007	21.591.461.826
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	V.07	22.083.969.712	19.386.133.274
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn		4.718.856.000	1.488.225.000
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	V.08	831.930.240	656.303.552
314	4. Phải trả người lao động			
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn			
316	6. Phải trả nội bộ ngắn hạn			
317	7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng			
318	8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn			
319	9. Phải trả ngắn hạn khác	V.09	26.588.055	60.800.000
320	10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn			
321	11. Dự phòng phải trả ngắn hạn			
322	12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi			
323	13. Quỹ bình ổn giá			
324	14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ			
330	II. Nợ dài hạn			
331	1. Phải trả người bán dài hạn			
332	2. Người mua trả tiền trước dài hạn			
333	3. Chi phí phải trả dài hạn			
334	4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh			
335	5. Phải trả nội bộ dài hạn			
336	6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn			
337	7. Phải trả dài hạn khác			
338	8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn			
339	9. Trái phiếu chuyển đổi			
340	10. Cổ phiếu ưu đãi			
341	11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả			
342	12. Dự phòng phải trả dài hạn			
343	13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ			

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 30 tháng 09 năm 2019

Đơn vị tính: VND

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	30/09/2019	01/01/2019
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	V.10	61.316.160.411	15.537.385.012
410	I. Vốn chủ sở hữu		61.316.160.411	15.537.385.012
411	1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu		60.000.000.000	18.000.000.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		60.000.000.000	18.000.000.000
411b	- Cổ phiếu ưu đãi			
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		461.600.000	
413	3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu			
414	4. Vốn khác của chủ sở hữu			
415	5. Cổ phiếu quỹ (*)			
416	6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản			
417	7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái			
418	8. Quỹ đầu tư phát triển			
419	9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp			
420	10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu			
421	11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		854.560.411	(2.462.614.988)
421a	- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước		(2.462.614.988)	(4.285.366.056)
421b	- LNST chưa phân phối kỳ này		3.317.175.399	1.822.751.068
422	12. Nguồn vốn đầu tư XDCB			
430	II. Nguồn kinh phí và quỹ khác			
431	1. Nguồn kinh phí			
432	2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ			
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		88.977.504.418	37.128.846.838



Tp. Hồ Chí Minh, ngày 08 tháng 10 năm 2019

Người lập biểu

ĐINH THỊ THU YÊN

Kế toán trưởng

HỒ THỊ MỸ TRIÊM

Thay mặt Ban Giám đốc
Giám đốc



TRẦN VĂN TUẤN

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

09 tháng đầu của năm tài chính 2019 kết thúc vào ngày 30 tháng 09 năm 2019

Đơn vị tính: VND

Mã số	Chỉ tiêu	Thuyết minh	9 tháng đầu năm 2019	9 tháng đầu năm 2018
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	VI.01	88.275.670.853	28.481.194.943
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu			
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ		88.275.670.853	28.481.194.943
11	4. Giá vốn hàng bán	VI.03	82.307.260.212	26.163.949.740
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		5.968.410.641	2.317.245.203
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	VI.04	762.034.195	574.452.257
22	7. Chi phí tài chính	VI.05	38.194.872	200.639.215
23	Trong đó: Chi phí lãi vay			
24	8. Chi phí bán hàng			
25	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp		2.511.616.455	1.073.904.045
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		4.180.633.509	1.617.154.200
31	11. Thu nhập khác			
32	12. Chi phí khác	VI.07	27.331.409	612.093
40	13. Lợi nhuận khác		(27.331.409)	(612.093)
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		4.153.302.100	1.616.542.107
51	15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	VI.09	836.126.701	323.430.840
52	16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại			
60	17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		3.317.175.399	1.293.111.267
70	18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	VI.10	1.763	898
71	19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	VI.11	1.763	859

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 08 tháng 10 năm 2019

Người lập biểu



ĐINH THỊ THU YẾN

Kế toán trưởng



HỒ THỊ MỸ TRIÊM

Thay mặt Ban Giám đốc

Giám đốc



TRẦN VĂN TUẤN

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

09 tháng đầu của năm tài chính 2019 kết thúc vào ngày 30 tháng 09 năm 2019

Đơn vị tính: VND

Mã số	Chỉ tiêu	Thuyết minh	9 tháng đầu năm 2019	9 tháng đầu năm 2018
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
01	1. Lợi nhuận trước thuế		4.153.302.100	1.616.542.107
2. Điều chỉnh cho các khoản				
02	1. Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT		334.739.408	96.213.924
03	2. Các khoản dự phòng			
04	3. Lãi/lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		(553.183.189)	114.577.356
05	4. Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(3.465.847)	(499.959.431)
06	5. Chi phí lãi vay			
07	6. Các khoản điều chỉnh khác			
08	3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		3.931.392.472	1.327.373.956
09	1. Tăng, giảm các khoản phải thu		(31.026.405.867)	(40.219.432.546)
10	2. Tăng, giảm hàng tồn kho			(149.447.050)
11	3. Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)		6.265.330.215	25.822.811.490
12	4. Tăng, giảm chi phí trả trước		(610.013.522)	3.680.553
13	5. Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh			
14	6. Tiền lãi vay đã trả			
15	7. Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(478.391.546)	
16	8. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh			
17	9. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh			
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		(21.918.088.248)	(13.215.013.597)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		(22.500.000.000)	
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác			
23	3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác			
24	4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác			17.000.000.000
25	5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác			(5.000.000.000)
26	6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác			
27	7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		3.465.847	499.959.431
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		(22.496.534.153)	12.499.959.431



BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

09 tháng đầu của năm tài chính 2019 kết thúc vào ngày 30 tháng 09 năm 2019

Đơn vị tính: VND

Mã số	Chỉ tiêu	Thuyết minh	9 tháng đầu năm 2019	9 tháng đầu năm 2018
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
31	1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu		42.461.600.000	
32	2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành			
33	3. Tiền thu từ đi vay			
34	4. Tiền trả nợ gốc vay			
35	5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính			
36	6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu			
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		42.461.600.000	
50	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ		(1.953.022.401)	(715.054.166)
60	Tiền và tương đương tiền đầu kỳ		3.849.057.012	4.004.291.385
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ			
70	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ		1.896.034.611	3.289.237.219



Tp. Hồ Chí Minh, ngày 08 tháng 10 năm 2019

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Thay mặt Ban Giám đốc
Giám đốc



ĐINH THỊ THU YẾN

HỒ THỊ MỸ TRIÊM

TRẦN VĂN TUẤN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH*09 tháng đầu của năm tài chính 2019 kết thúc vào ngày 30 tháng 09 năm 2019*

Đơn vị tính: VND

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY**1. Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Du lịch Vietourist được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 0311273634 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 26 tháng 10 năm 2011, đăng ký thay đổi lần thứ 10 ngày 14 tháng 03 năm 2018.

Vốn góp thực tế của Công ty tại ngày 30/09/2019 là: **60.000.000.000 VND**

Trụ sở chính của Công ty tại 21 Hoàng Diệu, phường 12, quận 4, Tp. Hồ Chí Minh

2. Lĩnh vực kinh doanh

Thương mại, dịch vụ.

3. Ngành nghề kinh doanh

1. Đại lý du lịch;
2. Điều hành tour du lịch (Chi tiết: kinh doanh lữ hành nội địa và quốc tế);
3. Dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tour du lịch;
4. Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động (không hoạt động tại trụ sở);
5. Dịch vụ lưu trú ngắn ngày (Chi tiết: Khách sạn (đạt tiêu chuẩn sao và không hoạt động tại trụ sở).);
6. Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt);
7. Vận tải hành khách đường bộ khác;
8. Vận tải hàng hóa bằng đường bộ khác;
9. Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải (Chi tiết: Hoạt động của các đại lý bán vé máy bay. Hoạt động của đại lý làm thủ tục hải quan.);
10. Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu (Chi tiết: Hoạt động phiên dịch, dịch thuật.);
11. Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê (Chi tiết: Kinh doanh bất động sản);

4. Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường: 12 tháng**5. Đặc điểm hoạt động của Công ty trong năm tài chính có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính không có****6. Cấu trúc doanh nghiệp**

- Danh sách các đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc

Tên đơn vị	Địa chỉ
+ Chi nhánh Công ty Cổ phần Du lịch Vietourist - Đà Nẵng	Tầng 3, tòa nhà Indochina Riverside, 74 Bạch Đằng, P. Hải Châu I, Q. Hải Châu, TP. Đà Nẵng
+ Chi nhánh Công ty Cổ phần Du lịch Vietourist - Cần Thơ	Lầu 4 tòa nhà STS - 11B Hòa Bình, P. Tân An, Q. Ninh Kiều, TP. Cần Thơ
+ Chi nhánh Công ty Cổ phần Du lịch Vietourist - Huế	23 Hà Nội, P. Phú Nhuận, TP. Huế, Tỉnh Thừa Thiên Huế
+ Chi nhánh Công ty Cổ phần Du lịch Vietourist - Nha Trang	Phòng 4B, tòa nhà Nha Trang Tower 38-40 Thống Nhất, P. Vạn Thạnh, TP. Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH*09 tháng đầu của năm tài chính 2019 kết thúc vào ngày 30 tháng 09 năm 2019*

Đơn vị tính: VND

Tên đơn vị	Địa chỉ
+ Văn phòng đại diện Công ty Cổ phần Du lịch Vietourist - Hà Nội	Tầng 6, tòa nhà Indochina Plaza, số 241 Xuân Thủy, P. Dịch Vọng Hậu, Q. Cầu Giấy, TP. Hà Nội
+ Văn phòng đại diện Công ty Cổ phần Du lịch Vietourist - Hải Phòng	Phòng 402, tầng 4 TTĐH Nhà khách Hải Quân, số 5 Lý Tự Trọng, P. Hoàng Văn Thụ, Q. Hồng Bàng, TP. Hải Phòng
+ Văn phòng đại diện Công ty Cổ phần Du lịch Vietourist - Bình Định	Số 5 Phan Kế Bính, P. Hải Cảng, TP. Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định

II . KỶ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND)

III . CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**1 . Chế độ kế toán:**

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính và các Thông tư văn bản hướng dẫn bổ sung.

2 . Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

IV . CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG**Các loại tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán****a. Tỷ giá đối với các giao dịch bằng ngoại tệ phát sinh trong kỳ**

+ Tỷ giá giao dịch thực tế khi mua bán ngoại tệ (hợp đồng mua bán ngoại tệ giao ngay, hợp đồng kỳ hạn, hợp đồng tương lai, hợp đồng quyền chọn, hợp đồng hoán đổi): Là tỷ giá ký kết trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa doanh nghiệp và ngân hàng thương mại;

Trường hợp hợp đồng không quy định tỷ giá thanh toán thì doanh nghiệp ghi sổ kế toán theo nguyên tắc:

+ Tỷ giá giao dịch thực tế khi góp vốn hoặc nhận vốn góp: Là tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi doanh nghiệp mở tài khoản để nhận vốn của nhà đầu tư tại ngày góp vốn;

+ Tỷ giá giao dịch thực tế khi ghi nhận nợ phải thu: Là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp chi định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh;

+ Tỷ giá giao dịch thực tế khi ghi nhận nợ phải trả: Là tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.

+ Đối với các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả), tỷ giá giao dịch thực tế là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thực hiện thanh toán.

+ Tỷ giá ghi sổ thực tế đích danh được áp dụng khi thu hồi các khoản nợ phải thu, các khoản ký cược, ký quỹ hoặc thanh toán các khoản nợ phải trả bằng ngoại tệ, được xác định bằng tỷ giá tại thời điểm giao dịch phát sinh.

+ Tỷ giá ghi sổ bình quân gia quyền di động được áp dụng tại bên Có tài khoản tiền khi thanh toán bằng ngoại tệ.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH*09 tháng đầu của năm tài chính 2019 kết thúc vào ngày 30 tháng 09 năm 2019*

Đơn vị tính: VND

+ Chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ của các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh và được hạch toán vào doanh thu hoặc chi phí tài chính trong năm tài chính.

b. Tỷ giá khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính .

- Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản: Là tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thường xuyên có giao dịch tại thời điểm lập Báo cáo tài chính . Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng thì tỷ giá thực tế khi đánh giá lại là tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi doanh nghiệp mở tài khoản ngoại tệ.

- Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: Là tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại tại thời điểm lập Báo cáo tài chính ;

Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm cuối năm được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thường xuyên giao dịch công bố tại thời điểm lập Báo cáo tài chính và số chênh lệch còn lại sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được hạch toán vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính trong kỳ. Doanh nghiệp không được chia lợi nhuận hoặc trả cổ tức trên lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư ngoại tệ cuối kỳ kế toán của các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ.

Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

a. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền

Các khoản tiền là toàn bộ số tiền hiện có của Công ty tại thời điểm báo cáo, gồm: tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn và tiền đang chuyển.

b. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tương đương tiền

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư có thời gian thu hồi còn lại không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm lập Báo cáo tài chính .

c. Nguyên tắc, phương pháp chuyển đổi các đồng tiền khác

Khi phát sinh các giao dịch bằng ngoại tệ, bên Nợ các tài khoản tiền áp dụng tỷ giá giao dịch thực tế và bên Có các tài khoản tiền áp dụng tỷ giá ghi sổ bình quân gia quyền. Chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ được hạch toán vào doanh thu hoặc chi phí tài chính trong năm tài chính.

Tại thời điểm lập Báo cáo tài chính theo quy định của pháp luật, Công ty đánh giá lại số dư ngoại tệ và vàng tiền tệ theo nguyên tắc:

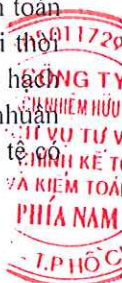
- Số dư ngoại tệ: theo tỷ giá mua ngoại tệ thực tế của ngân hàng thương mại tại thời điểm lập Báo cáo tài chính ;

- Vàng tiền tệ: theo giá mua trên thị trường trong nước tại thời điểm lập Báo cáo tài chính . Giá mua trên thị trường trong nước là giá mua được công bố bởi Ngân hàng Nhà nước. Trường hợp Ngân hàng Nhà nước không công bố giá mua vàng thì tính theo giá mua công bố bởi các đơn vị được phép kinh doanh vàng theo luật định.

Nguyên tắc kế toán các khoản phải thu:

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại ngoại tệ phải thu và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của doanh nghiệp.

Đối với các giao dịch bằng ngoại tệ phát sinh trong kỳ, tỷ giá ghi nhận là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH*09 tháng đầu của năm tài chính 2019 kết thúc vào ngày 30 tháng 09 năm 2019*

Đơn vị tính: VND

Tại thời điểm lập Báo cáo tài chính, các khoản phải thu có gốc ngoại tệ được đánh giá lại số dư theo tỷ giá thực tế là tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm lập Báo cáo tài chính. Trường hợp doanh nghiệp có nhiều khoản phải thu và giao dịch tại nhiều ngân hàng thì được chủ động lựa chọn tỷ giá mua của một trong những ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thường xuyên có giao dịch, khoản chênh lệch tỷ giá được hạch toán bù trừ sau đó hạch toán vào doanh thu hoặc chi phí tài chính. Riêng khoản mục tiền trả trước cho khách hàng không đánh giá lại số dư.

- **Lập dự phòng phải thu khó đòi:** Các khoản nợ phải thu được xem xét trích lập dự phòng rủi ro theo tuổi nợ quá hạn của khoản nợ hoặc theo dự kiến tổn thất có thể xảy ra trong trường hợp khoản nợ chưa đến hạn thanh toán nhưng tổ chức kinh tế lâm vào tình trạng phát sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định (TSCĐ), thuê tài chính, bất động sản đầu tư:

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Phương tiện vận tải 07 - 08 năm

Nguyên tắc ghi nhận chi phí trả trước

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước vào chi phí SXKD từng kỳ kế toán căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để lựa chọn phương pháp và tiêu thức hợp lý, nhất quán.

Các khoản chi phí trả trước được theo dõi theo từng kỳ hạn trả trước đã phát sinh, đã phân bổ vào các đối tượng chịu chi phí của từng kỳ kế toán và số còn lại chưa phân bổ vào chi phí.

Phân loại các chi phí trả trước khi lập Báo cáo tài chính theo nguyên tắc như sau:

- Số tiền trả trước để được cung cấp hàng hóa, dịch vụ trong khoảng thời gian không quá 12 tháng hoặc một chu kỳ SXKD thông thường kể từ thời điểm trả trước được phân loại là ngắn hạn.

- Số tiền trả trước để được cung cấp hàng hóa, dịch vụ trong khoảng thời gian trên 12 tháng hoặc hơn một chu kỳ SXKD thông thường kể từ thời điểm trả trước được phân loại là dài hạn.

Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải trả:

Bao gồm các khoản phải trả người bán, người mua trả tiền trước, phải trả nội bộ, phải trả khác, khoản vay tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thanh toán không quá 12 tháng hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là nợ ngắn hạn.

- Có thời hạn thanh toán từ 12 tháng trở lên hoặc trên 1 chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là nợ dài hạn.

Đối với các giao dịch bằng ngoại tệ phát sinh trong kỳ, tỷ giá ghi nhận là tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm phát sinh giao dịch.

Tại thời điểm lập Báo cáo tài chính, các khoản phải trả có gốc ngoại tệ được đánh giá lại số dư theo tỷ giá thực tế là tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thường xuyên có giao dịch tại thời điểm lập Báo cáo tài chính, khoản chênh lệch tỷ giá được hạch toán bù trừ sau đó hạch toán vào doanh thu hoặc chi phí tài chính; Riêng khoản mục tiền người mua trả tiền trước không đánh giá lại số dư.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH*09 tháng đầu của năm tài chính 2019 kết thúc vào ngày 30 tháng 09 năm 2019**Đơn vị tính: VND***Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu**

- Nguyên tắc ghi nhận vốn góp của chủ sở hữu, thặng dư vốn cổ phần, quyền chọn trái phiếu chuyển đổi, vốn khác của chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu và được theo dõi chi tiết cho từng tổ chức, từng cá nhân tham gia góp vốn.

Khi giấy phép đầu tư quy định vốn điều lệ của công ty được xác định bằng ngoại tệ thì việc xác định phần vốn góp của nhà đầu tư bằng ngoại tệ được căn cứ vào số lượng ngoại tệ đã thực góp.

Vốn góp bằng tài sản được ghi nhận tăng vốn chủ sở hữu theo giá đánh giá lại của tài sản được các bên góp vốn chấp nhận. Đối với tài sản vô hình như thương hiệu, nhãn hiệu, tên thương mại, quyền khai thác, phát triển dự án ... chỉ được tăng vốn góp nếu pháp luật có liên quan cho phép.

Đối với công ty cổ phần, vốn góp cổ phần của các cổ đông được ghi theo giá thực tế phát hành cổ phiếu, nhưng được phản ánh tại hai chỉ tiêu riêng:

- Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo mệnh giá của cổ phiếu;
- Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành cổ phiếu và mệnh giá.

Ngoài ra, thặng dư vốn cổ phần cũng được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi tái phát hành cổ phiếu quỹ.

- Nguyên tắc ghi nhận lợi nhuận chưa phân phối

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của công ty sau khi cộng (+) hoặc trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

Việc phân chia lợi nhuận hoạt động kinh doanh của công ty phải đảm bảo theo đúng chính sách tài chính hiện hành.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

- Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

- Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Báo cáo;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH*09 tháng đầu của năm tài chính 2019 kết thúc vào ngày 30 tháng 09 năm 2019**Đơn vị tính: VND***- Doanh thu hoạt động tài chính**

Doanh thu hoạt động tài chính bao gồm doanh thu tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác. Đối với tiền lãi thu từ các khoản cho vay, bán hàng trả chậm, trả góp: doanh thu được ghi nhận khi chắc chắn thu được và khoản gốc cho vay, nợ gốc phải thu không bị phân loại là quá hạn cần phải lập dự phòng. Doanh thu từ cổ tức được ghi nhận khi quyền nhận cổ tức được xác lập.

Nguyên tắc ghi nhận giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán bao gồm trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ, bất động sản đầu tư; giá thành sản xuất của sản phẩm xây lắp bán trong kỳ và các chi phí liên quan đến hoạt động kinh doanh bất động sản đầu tư ...

Giá trị hàng tồn kho hao hụt, mất mát được ghi nhận vào giá vốn hàng bán sau khi trừ đi các khoản bồi thường (nếu có).

Đối với chi phí nguyên vật liệu trực tiếp tiêu hao vượt mức bình thường, chi phí nhân công, chi phí sản xuất chung cố định không phân bổ vào giá trị sản phẩm nhập kho được tính vào giá vốn hàng bán sau khi trừ đi các khoản bồi thường (nếu có) kể cả khi sản phẩm, hàng hóa chưa được xác định là tiêu thụ.

Nguyên tắc ghi nhận chi phí tài chính

Chi phí tài chính bao gồm các khoản chi phí hoạt động tài chính: chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính; chi phí cho vay và đi vay vốn; chi phí góp vốn liên doanh, liên kết; lỗ chuyển nhượng chứng khoán; dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh; dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác; khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái...

Nguyên tắc ghi nhận chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hóa, cung cấp dịch vụ.

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí chung của công ty gồm các chi phí về lương, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, kinh phí công đoàn của nhân viên quản lý; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý công ty; tiền thuê đất, thuế môn bài; dự phòng nợ phải thu khó đòi; dịch vụ mua ngoài; chi phí bằng tiền khác...

Nguyên tắc ghi nhận chi phí thuế TNDN hiện hành, CP thuế TNDN hoãn lại

Chi phí thuế TNDN hiện hành là số thuế TNDN phải nộp được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế TNDN hiện hành.

Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn trong hình thức pháp lý.



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

09 tháng đầu của năm tài chính 2019 kết thúc vào ngày 30 tháng 09 năm 2019

Đơn vị tính: VND

Báo cáo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

Công cụ tài chính

Căn cứ Thông tư số 75/2015/TT-BTC ngày 18/05/2015 của Bộ Tài chính, trước khi Chuẩn mực kế toán về công cụ tài chính và các văn bản hướng dẫn được ban hành, Ban Tổng Giám đốc Công ty quyết định không trình bày và thuyết minh về công cụ tài chính theo Thông tư số 210/2009/TT-BTC trong báo cáo tài chính của Công ty.

V . THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**01 . TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	30/09/2019	01/01/2019
Tiền mặt	1.084.800.472	2.352.541.151
- VND	1.084.800.472	2.352.541.151
Tiền gửi không kỳ hạn	811.234.139	1.496.515.861
- Tiền gửi (VND)	811.234.139	1.496.515.861
+ Ngân hàng TMCP Xuất nhập khẩu Việt Nam (Eximbank)	7.481.360	1.190.701.640
+ Ngân hàng TMCP Tiên phong (TP Bank)	3.919.898	278.285.042
+ Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam (Techcombank)	158.189.555	27.529.179
+ Ngân hàng TMCP Sài Gòn-Hà Nội (SHB)	641.643.326	
Cộng	1.896.034.611	3.849.057.012

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

09 tháng đầu của năm tài chính 2019 kết thúc vào ngày 30 tháng 09 năm 2019

Đơn vị tính: VND

02 . PHẢI THU KHÁCH HÀNG	30/09/2019		01/01/2019	
	a) Ngắn hạn	1.365.237.280		5.297.193.955
+ Trần Quang Huy			4.100.000.000	
+ Công ty CP Du lịch Đồng Nai		252.300.000	346.100.000	
+ Công ty TNHH MTV Dược Phương Nam		247.550.000		
+ Đối tượng khác		865.387.280	851.093.955	
b) Dài hạn				
Cộng	1.365.237.280		5.297.193.955	

03 . PHẢI THU KHÁC	30/09/2019		01/01/2019	
	Gía trị	Dự phòng	Gía trị	Dự phòng
a) Ngắn hạn				
b) Dài hạn	550.000.000		550.000.000	
Ký cược, ký quỹ	550.000.000		550.000.000	
Cộng	550.000.000		550.000.000	

04 . TÀI SẢN DỄ DANG DÀI HẠN	30/09/2019		01/01/2019	
	Xây dựng cơ bản dở dang			
Xây dựng cơ bản	16.313.400.000		16.313.400.000	
+ Dự án Cảng tại xã Phước Đa, huyện Bình Chánh, Tp. Hồ Chí Minh	16.313.400.000		16.313.400.000	
Cộng	16.313.400.000		16.313.400.000	



CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH VIETOURIST

Địa chỉ: 21 Hoàng Diệu, phường 12, quận 4, Tp. Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính

9 tháng đầu kết thúc tại ngày 30/09/2019

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

09 tháng đầu của năm tài chính 2019 kết thúc vào ngày 30 tháng 09 năm 2019

05 . TẶNG, GIẢM TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị quản lý	Cộng
I. Nguyên giá					
1. Số dư đầu kỳ			1.026.281.818		1.026.281.818
2. Số tăng trong kỳ			7.408.000.000		7.408.000.000
- Mua trong kỳ			7.408.000.000		7.408.000.000
- Đầu tư XD CB hoàn thành					
- Tăng khác					
3. Số giảm trong kỳ					
- Thanh lý, nhượng bán					
- Giảm khác					
4. Số dư cuối kỳ			8.434.281.818		8.434.281.818
II. Giá trị hao mòn lũy kế					
1. Số dư đầu kỳ			203.118.284		203.118.284
2. Khấu hao trong kỳ			334.739.408		334.739.408
- Khấu hao trong kỳ			334.739.408		334.739.408
- Tăng khác					
3. Giảm trong kỳ					
- Thanh lý, nhượng bán					
- Giảm khác					
4. Số dư cuối kỳ			537.857.692		537.857.692
III. Giá trị còn lại					
1. Tại ngày đầu kỳ			823.163.534		823.163.534
2. Tại ngày cuối kỳ			7.896.424.126		7.896.424.126

- Giá trị còn lại cuối kỳ của TSCĐ hữu hình dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo khoản vay: 0 VND

- Nguyên giá TSCĐ cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 0 VND



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

09 tháng đầu của năm tài chính 2019 kết thúc vào ngày 30 tháng 09 năm 2019

Đơn vị tính: VND

06 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	30/09/2019	01/01/2019
a) Ngắn hạn		
b) Dài hạn	655.334.421	45.320.899
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	68.667.754	45.320.899
Chi phí sửa chữa văn phòng	586.666.667	
Cộng	655.334.421	45.320.899

07 . PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN

	30/09/2019	01/01/2019		
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
a) Ngắn hạn	22.083.969.712	22.083.969.712	19.386.133.274	19.386.133.274
+ Lolibe Travel	4.650.819.579	4.650.819.579	4.807.361.629	4.807.361.629
+ Infinity Tours B.V	2.510.081.808	2.510.081.808	2.968.782.420	2.968.782.420
+ Infinity Tour and Travel service LLC	6.938.764.167	6.938.764.167	1.994.466.377	1.994.466.377
+ Phải trả cho các đối tượng khác	7.984.304.158	7.984.304.158	9.615.522.848	9.615.522.848
b) Dài hạn				
Cộng	22.083.969.712	22.083.969.712	19.386.133.274	19.386.133.274

08 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Số đầu kỳ	Số phải nộp trong kỳ	Số đã thực nộp trong kỳ	Số cuối kỳ
Thuế thu nhập doanh nghiệp	472.070.884	836.126.701	478.391.546	829.806.039
Thuế GTGT	184.232.668	24.708.973	206.817.440	2.124.201
Phí, lệ phí		211.000.000	211.000.000	
Cộng	656.303.552	1.071.835.674	896.208.986	831.930.240

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH*09 tháng đầu của năm tài chính 2019 kết thúc vào ngày 30 tháng 09 năm 2019**Đơn vị tính: VND***09 . PHẢI TRẢ KHÁC**

	<u>30/09/2019</u>	<u>01/01/2019</u>
a) Ngắn hạn	26.588.055	60.800.000
Bảo hiểm xã hội	20.654.050	48.700.000
Bảo hiểm y tế	2.475.000	7.350.000
Bảo hiểm thất nghiệp	2.584.005	3.800.000
Các khoản phải trả, phải nộp khác	875.000	950.000
b) Dài hạn		
Cộng	<u>26.588.055</u>	<u>60.800.000</u>



CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH VIETOURIST

Địa chỉ: 21 Hoàng Diệu, phường 12, quận 4, Tp. Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính
9 tháng đầu kết thúc tại ngày 30/09/2019**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

09 tháng đầu của năm tài chính 2019 kết thúc vào ngày 30 tháng 09 năm 2019

10 . VỐN CHỦ SỞ HỮU**I. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Vốn góp của CSH	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
Số dư đầu năm trước	18.000.000.000				(4.285.366.056)	13.714.633.944
Tăng vốn trong năm trước						
Lãi trong năm trước					1.822.751.068	1.822.751.068
Giảm vốn trong năm trước						
Lỗ trong năm trước						
Chia cổ tức						
Thù lao hội đồng quản trị						
Giảm khác						
Số dư đầu năm nay	18.000.000.000			(2.462.614.988)		15.537.385.012
Tăng vốn trong kỳ này (*)	42.000.000.000	461.600.000				42.461.600.000
Lãi trong kỳ này					3.317.175.399	3.317.175.399
Giảm vốn trong kỳ này						
Lỗ trong kỳ này						
Chia cổ tức						
Thù lao hội đồng quản trị						
Giảm khác						
Số dư cuối kỳ này	60.000.000.000	461.600.000		854.560.411		61.316.160.411

Ghi chú: (*) Số vốn tăng kỳ theo Nghị quyết số 02/2019/NQ-ĐHĐCĐ tại ngày 07/07/2019 của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019 thông qua phương án phát hành cổ phiếu riêng lẻ để tăng vốn điều lệ từ 18.000.000.000 đồng lên 60.000.000.000 đồng với mục đích:

- Đầu tư đội xe cao cấp để phát triển mảng du lịch nội địa: 22.500.000.000 đồng
- Thành lập 20 chi nhánh tại các trung tâm du lịch lớn để đẩy mạnh phát triển du lịch quốc tế: 9.200.000.000
- Thành lập trung tâm về du lịch: 3.000.000.000 đồng
- Bổ sung vốn lưu động: 7.700.000.000 đồng

Theo giấy xác nhận số dư tại ngày 25/09/2019 của Ngân hàng TMCP Sài Gòn-Hà Nội, các cổ đông đã thanh toán đủ số cổ phần đăng ký mua. Tại ngày 1/10/2019, Công ty đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 11 với số vốn điều lệ là 60.000.000.000 đồng.

23
 (P.HỒ)
 KIỂM TRA
 NHẬT KÊ
 VỤ TƯ
 MIỆM HI
 NG T
 01172

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

09 tháng đầu của năm tài chính 2019 kết thúc vào ngày 30 tháng 09 năm 2019

Đơn vị tính: VND

10 . 2. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu	<u>30/09/2019</u>	%	<u>01/01/2019</u>	%
Vốn góp của các cổ đông	60.000.000.000	100%	18.000.000.000	100%
Cộng	60.000.000.000	100%	18.000.000.000	100%

10 . 3. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	<u>Kỳ này</u>	<u>Năm trước</u>
Vốn đầu tư của chủ sở hữu:		
- Vốn góp đầu kỳ	18.000.000.000	18.000.000.000
- Vốn góp tăng trong kỳ	42.000.000.000	
- Vốn góp giảm trong kỳ		
- Vốn góp cuối kỳ	60.000.000.000	18.000.000.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia		

10 . 4. Cổ phiếu	<u>30/09/2019</u>	<u>01/01/2019</u>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	6.000.000	1.800.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	6.000.000	1.800.000
- Cổ phiếu phổ thông	6.000.000	1.800.000
- Cổ phiếu ưu đãi		
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng/cổ phiếu		



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

09 tháng đầu của năm tài chính 2019 kết thúc vào ngày 30 tháng 09 năm 2019

Đơn vị tính: VND

VI . THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**01 . TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ**

	<u>9 tháng đầu năm 2019</u>	<u>9 tháng đầu năm 2018</u>
Doanh thu		
Doanh thu cung cấp dịch vụ du lịch	71.545.297.444	28.202.446.394
Doanh thu vé máy bay	16.567.259.770	
Doanh thu cung cấp dịch vụ khác	163.113.639	278.748.549
Cộng	88.275.670.853	28.481.194.943

03 . GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	<u>9 tháng đầu năm 2019</u>	<u>9 tháng đầu năm 2018</u>
Giá vốn của dịch vụ du lịch	66.162.064.544	26.030.949.740
Giá vốn của dịch vụ vé máy bay	16.138.482.876	
Giá vốn của dịch vụ khác	6.712.792	133.000.000
Cộng	82.307.260.212	26.163.949.740

04 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	<u>9 tháng đầu năm 2019</u>	<u>9 tháng đầu năm 2018</u>
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	3.465.847	499.959.431
Lãi chênh lệch tỷ giá	758.568.348	74.492.826
Cộng	762.034.195	574.452.257

05 . CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	<u>9 tháng đầu năm 2019</u>	<u>9 tháng đầu năm 2018</u>
Lỗ chênh lệch tỷ giá	34.358.172	200.639.215
Chi phí tài chính khác	3.836.700	
Cộng	38.194.872	200.639.215

06 . CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	<u>9 tháng đầu năm 2019</u>	<u>9 tháng đầu năm 2018</u>
Chi phí quản lý doanh nghiệp		
Chi phí công cụ, dụng cụ	147.800.953	38.495.766
Chi phí nhân viên	437.400.000	467.775.000
Chi phí khấu hao	334.739.408	96.213.924
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.546.316.777	408.860.991
Thuế, phí, lệ phí	3.000.000	
Chi phí khác bằng tiền	42.359.317	62.558.364
Cộng	2.511.616.455	1.073.904.045

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

09 tháng đầu của năm tài chính 2019 kết thúc vào ngày 30 tháng 09 năm 2019

Đơn vị tính: VND

07 . CHI PHÍ KHÁC

	<u>9 tháng đầu năm 2019</u>	<u>9 tháng đầu năm 2018</u>
Các khoản bị phạt	2.073.521	
Các khoản khác	25.257.888	612.093
Cộng	27.331.409	612.093

08 . CHI PHÍ SẢN XUẤT THEO YẾU TỐ

	<u>9 tháng đầu năm 2019</u>	<u>9 tháng đầu năm 2018</u>
Chi phí nguyên liệu, vật liệu		
Chi phí nhân công	437.400.000	467.775.000
Chi phí khấu hao tài sản cố định	334.739.408	96.213.924
Chi phí dịch vụ mua ngoài	83.853.576.989	26.572.810.731
Chi phí khác bằng tiền	193.160.270	101.054.130
Cộng	84.818.876.667	27.237.853.785

09 . CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	<u>9 tháng đầu năm 2019</u>	<u>9 tháng đầu năm 2018</u>
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế kỳ hiện hành	836.126.701	323.430.840
- Điều chỉnh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của các kỳ trước vào chi phí thuế thu nhập hiện hành kỳ này		
Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	836.126.701	323.430.840

10 . LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

	<u>9 tháng đầu năm 2019</u>	<u>9 tháng đầu năm 2018</u>
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu CP phổ thông	3.317.175.399	1.616.542.107
Quỹ khen thưởng, phúc lợi trích từ lợi nhuận sau thuế		
Số lượng CP phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	1.881.271	1.800.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (*)	1.763	898

(*) Hồi tố chỉ tiêu năm trước theo hướng dẫn tại Thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 20/12/2014 của Bộ Tài chính.

11 . LÃI SUY GIẢM TRÊN CỔ PHIẾU

Tại ngày 30 tháng 09 năm 2019, Công ty không có các cổ phiếu có tiềm năng suy giảm lãi trên cổ phiếu

	<u>9 tháng đầu năm 2019</u>	<u>9 tháng đầu năm 2018</u>
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu CP phổ thông	3.317.175.399	1.616.542.107
Quỹ khen thưởng, phúc lợi trích từ lợi nhuận sau thuế		
Số lượng CP phổ thông dự kiến phát hành thêm		81.271
Số lượng CP phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	1.881.271	1.800.000
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	1.763	859

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH*09 tháng đầu của năm tài chính 2019 kết thúc vào ngày 30 tháng 09 năm 2019**Đơn vị tính: VND***VII . THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**

- 01 . Các giao dịch không bằng tiền ảnh hưởng đến báo cáo lưu chuyển tiền tệ trong tương lai: Không có
- 02 . Các khoản tiền do doanh nghiệp nắm giữ nhưng không được sử dụng: Không có
- 03 . Số tiền đi vay thực thu trong kỳ: Không có
- 04 . Số tiền đã thực trả gốc vay trong kỳ: Không có

VIII . NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

- 01 . Những khoản nợ tiềm tàng, khoản cam kết và những thông tin tài chính khác: không có

- 02 . Những sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày lập Báo cáo tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính .

- 03 . Thông tin về các bên liên quan

a. Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân liên quan:

- Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt

Thù lao Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát
Tiền lương

9 tháng đầu năm 2019 9 tháng đầu năm 2018

90.000.000

90.000.000

b. Giao dịch với các bên liên quan khác: Không có

- 04 . Thông tin bộ phận

Công ty không lập báo cáo bộ phận vì không thoả mãn một trong các điều kiện theo lĩnh vực kinh doanh hay theo vị trí địa lý theo quy định tại Thông tư 20/2006/TT-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ tài chính V/v hướng dẫn thực hiện 06 Chuẩn mực kế toán ban hành theo Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15/02/2005 của Bộ Tài chính.



CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH VIETOURIST

Địa chỉ: 21 Hoàng Diệu, phường 12, quận 4, Tp. Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính

9 tháng đầu kết thúc tại ngày 30/09/2019

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

09 tháng đầu của năm tài chính 2019 kết thúc vào ngày 30 tháng 09 năm 2019

Đơn vị tính: VND

- Tài sản và nợ phải trả bộ phận theo khu vực địa lý

Chỉ tiêu	30/09/2019		01/01/2019		Tổng cộng
	Trong nước	Ngoài nước	Trong nước	Ngoài nước	
Tài sản bộ phận	269.350.000	15.607.550.199	15.876.900.199	6.322.530.368	11.502.685.206
Tài sản không phân bổ		73.100.604.219			25.626.161.632
Tổng tài sản		88.977.504.418	6.322.530.368	5.180.154.838	37.128.846.838
Nợ phải trả bộ phận	396.437.000	25.950.426.711	26.346.863.711	390.217.562	20.181.025.985
Nợ phải trả không phân bổ		1.314.480.296			1.410.435.841
Tổng nợ phải trả		25.950.426.711	27.661.344.007	390.217.562	21.591.461.826

b. Lĩnh vực kinh doanh

Nhằm phục vụ cho công tác quản lý của Công ty, Công ty được tổ chức quản lý và hạch toán theo các đơn vị sản phẩm và lĩnh vực kinh doanh do đó báo cáo bộ phận theo các sản phẩm sản xuất và cung cấp dịch vụ như sau:

- Thông tin về kết quả kinh doanh, tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác và giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty

	9 tháng đầu năm 2018		Tổng cộng
	Dịch vụ du lịch	Dịch vụ khác	
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	28.202.446.394	278.748.549	28.481.194.943
Tổng doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	28.202.446.394	278.748.549	28.481.194.943
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	2.171.496.654	145.748.549	2.317.245.203
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận			(1.073.904.045)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh			1.243.341.158
Doanh thu hoạt động tài chính			574.452.257
Chi phí tài chính			(200.639.215)
Thu nhập khác			(612.093)
Chi phí khác			(323.430.840)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành			
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp			1.293.111.267



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

09 tháng đầu của năm tài chính 2019 kết thúc vào ngày 30 tháng 09 năm 2019

Đơn vị tính: VND

9 tháng đầu năm 2019	Dịch vụ du lịch	Dịch vụ vé máy bay	Dịch vụ khác	Tổng cộng	
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	71.545.297.444	16.567.259.770	163.113.639	88.275.670.853	
Tổng doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	71.545.297.444	16.567.259.770	163.113.639	88.275.670.853	
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	5.383.232.900	428.776.894	156.400.847	5.968.410.641	
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận				(2.511.616.455)	
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh				3.456.794.186	
Doanh thu hoạt động tài chính				762.034.195	
Chi phí tài chính				(38.194.872)	
Thu nhập khác				(27.331.409)	
Chi phí khác				(836.126.701)	
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành					
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp				3.317.175.399	
- Tài sản và nợ phải trả bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh					
	01/01/2019	Dịch vụ du lịch	Dịch vụ khác	Tổng cộng	
Tài sản bộ phận		3.686.965.736	3.175.030.870	6.861.996.606	
Tài sản không phân bổ				30.266.850.232	
Tổng tài sản		3.686.965.736	3.175.030.870	37.128.846.838	
Nợ phải trả bộ phận		19.718.879.493	462.146.492	20.181.025.985	
Nợ phải trả không phân bổ				1.410.435.841	
Tổng nợ phải trả				21.591.461.826	
	30/09/2019	Dịch vụ du lịch	Dịch vụ vé máy bay	Dịch vụ khác	Tổng cộng
Tài sản bộ phận		17.194.689.979	683.321.110	21.800.000	17.899.811.089
Tài sản không phân bổ					71.077.693.329
Tổng tài sản					88.977.504.418
Nợ phải trả bộ phận		26.306.863.711	40.000.000		26.346.863.711
Nợ phải trả không phân bổ					1.314.480.296
Tổng nợ phải trả					27.661.344.007



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

09 tháng đầu của năm tài chính 2019 kết thúc vào ngày 30 tháng 09 năm 2019

Đơn vị tính: VND

05. Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính

	Giá trị sổ sách		Giá trị hợp lý	
	30/09/2019	01/01/2019	30/09/2019	01/01/2019
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản tương đương tiền	1.896.034.611		3.849.057.012	
Phải thu khách hàng	1.365.237.280		5.297.193.955	
Trả trước cho người bán	60.026.593.161		10.250.711.438	
Các khoản phải thu khác	550.000.000		550.000.000	
Cộng	63.837.865.052		19.946.962.405	
Nợ phải trả tài chính				
Phải trả cho người bán	22.083.969.712		19.386.133.274	
Người mua trả tiền trước	4.718.856.000		4.718.856.000	
Các khoản phải trả khác	26.588.055		26.588.055	
Cộng	26.829.413.767		19.446.933.274	

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phân ánh theo giá trị mà công cụ tài chính có thể được chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên có đầy đủ hiểu biết và mong muốn giao dịch.

Công ty sử dụng phương pháp và giả định sau để ước tính giá trị hợp lý:

- Giá trị hợp lý của tiền và các khoản tương đương tiền, phải thu khách hàng, cho vay, các khoản phải thu khác, vay, phải trả người bán, người lao động, cổ phiếu chuyển đổi và các khoản phải trả ngắn hạn khác tương đương giá trị sổ sách (đã trừ dự phòng cho phân ước tính có khả năng không thu hồi được) của các khoản mục này do có kỳ hạn ngắn.
- Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính sẵn sàng để bán được niêm yết trên thị trường chứng khoán là giá giao dịch công bố tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Công ty chưa thực hiện đánh giá chính thức các tài sản tài chính sẵn sàng để bán chưa niêm yết. Tuy nhiên Ban Giám đốc đánh giá giá trị hợp lý của các tài sản tài chính này không có sự khác biệt trọng yếu so với giá trị ghi sổ.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH*09 tháng đầu của năm tài chính 2019 kết thúc vào ngày 30 tháng 09 năm 2019*

Đơn vị tính: VND

06 . Mục đích và chính sách quản lý rủi ro của Công ty**a. Rủi ro tín dụng**

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng giao dịch không thực hiện các nghĩa vụ của mình, dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty.

Công ty có các rủi ro tín dụng từ các hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (tiền gửi ngân hàng và các công cụ tài chính khác).

- *Phải thu khách hàng*

Công ty giảm thiểu rủi ro tín dụng bằng cách chỉ giao dịch với các đơn vị có khả năng tài chính tốt và nhân viên kế toán công nợ thường xuyên theo dõi nợ phải thu để đơn đốc thu hồi. Trên cơ sở này và khoản phải thu của Công ty liên quan đến nhiều khách hàng khác nhau nên rủi ro tín dụng tập trung đối với khoản phải thu khách hàng là thấp.

- *Tiền gửi ngân hàng*

Phần lớn tiền gửi ngân hàng của Công ty được gửi tại các ngân hàng lớn, có uy tín ở Việt Nam. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

b. Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn.

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm cao nhất trong quản lý rủi ro thanh khoản. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty quản lý rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một duy trì một lượng tiền và các khoản tương đương tiền phù hợp và các khoản vay ở mức mà Ban Giám đốc cho là đủ để đáp ứng nhu cầu hoạt động của Công ty nhằm giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

Bảng dưới đây tổng hợp thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính của Công ty dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng trên cơ sở chưa được chiết khấu:

Tại ngày 30 tháng 09 năm 2019	Từ 01 năm trở xuống	Trên 01 năm đến 05 năm	Trên 05 năm	Cộng
Phải trả cho người bán	22.083.969.712			22.083.969.712
Người mua trả tiền trước	4.718.856.000			4.718.856.000
Các khoản phải trả phải nộp khác	26.588.055			26.588.055
Cộng	26.829.413.767			26.829.413.767

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH*09 tháng đầu của năm tài chính 2019 kết thúc vào ngày 30 tháng 09 năm 2019**Đơn vị tính: VND*

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

c. Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường bao gồm 3 loại: rủi ro ngoại tệ, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá. Công cụ tài chính bị ảnh hưởng bởi rủi ro thị trường bao gồm các khoản vay và nợ, trái phiếu doanh nghiệp, trái phiếu chuyển đổi, các khoản đặt cọc và các khoản đầu tư tài chính.

Các phân tích về độ nhạy trình bày dưới đây được lập trên cơ sở giá trị các khoản nợ thuần, tỷ lệ giữa các khoản nợ có lãi suất cố định và các khoản nợ có lãi suất thả nổi là không thay đổi.

07 . Thông tin về hoạt động liên tục

Trong kỳ kế toán, không có hoạt động hoặc sự kiện phát sinh nào có ảnh hưởng đáng kể đến khả năng hoạt động liên tục của Công ty. Vì vậy, Báo cáo tài chính của Công ty được lập trên cơ sở giả định Công ty sẽ hoạt động liên tục.

08 . Số liệu so sánh

Số liệu so sánh là số liệu của Báo cáo tài chính cho năm tài chính 2018 kết thúc ngày 31/12/2018 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán - Tư vấn Đất Việt chính nhánh Hà Nội và Báo cáo tài chính 09 tháng đầu năm 2018 kết thúc tại ngày 30/09/2018 chưa được kiểm toán.

*Tp. Hồ Chí Minh, ngày 08 tháng 10 năm 2019***Thay mặt Ban Giám đốc**

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc



**ĐINH THỊ THU YÊN****HỒ THỊ MỸ TRIÊM****TRẦN VĂN TUẤN**